

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Song Hải	Chủ tịch
Ông Nguyễn Phượng Quyền	Thành viên (trước ngày 16/4/2019)
Ông Đặng Thái Hưng	Thành viên
Ông Nghiêm Minh Thông	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Minh Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Ngọc	Thành viên (từ ngày 16/4/2019)

Ban Giám đốc

Ông Đặng Thái Hưng	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Ngọc	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 01/01/2019)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Đặng Thái Hưng
Tổng Giám đốc

Hà Nam, ngày 25 tháng 02 năm 2020

Số: 21 /2020/KT-AV3-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25/02/2020, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vũ Thị Hương Giang****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

0388-2018-055-1

Thay mặt và đại diện**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2020

**Nguyễn Thị Hoài Thu****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

2461-2018-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		104.270.041.272	99.434.479.655
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		14.477.272.274	5.726.341.651
1. Tiền	111	5	6.777.272.274	1.711.875.898
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.700.000.000	4.014.465.753
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		20.038.000.000	24.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10.1	20.038.000.000	24.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.480.644.439	10.865.892.104
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	12.931.237.250	10.454.949.638
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		134.510.750	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	494.896.439	490.942.466
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(80.000.000)	(80.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140		48.755.575.659	47.008.297.998
1. Hàng tồn kho	141	9	48.755.575.659	47.008.297.998
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.518.548.900	11.833.947.902
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.518.548.900	11.640.869.411
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	193.078.491
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		127.418.596.752	128.360.632.671
I. Tài sản cố định	220		106.439.744.267	106.694.870.101
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	105.994.081.571	106.173.493.117
- Nguyên giá	222		206.843.019.165	196.006.955.638
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(100.848.937.594)	(89.833.462.521)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	445.662.696	521.376.984
- Nguyên giá	228		572.000.000	572.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(126.337.304)	(50.623.016)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	10.2	307.875.000	307.875.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	10.3	(307.875.000)	(307.875.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		20.978.852.485	21.665.762.570
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	20.978.852.485	21.665.762.570
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		231.688.638.024	227.795.112.326

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		126.713.013.239	125.209.131.676
I. Nợ ngắn hạn	310		83.561.368.892	73.365.148.005
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	27.593.928.029	20.064.664.984
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	17.600.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15.1	849.709.297	319.325.704
4. Phải trả người lao động	314		4.146.972.767	4.109.137.837
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	16	144.000.000	144.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17.1	55.835.862	382.329.972
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18.1	46.830.213.007	42.783.510.438
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.940.709.930	5.544.579.070
II. Nợ dài hạn	330		43.151.644.347	51.843.983.671
1. Phải trả dài hạn khác	337	17.2	17.600.000	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18.2	43.134.044.347	51.843.983.671
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		104.975.624.785	102.585.980.650
I. Vốn chủ sở hữu	410		104.975.624.785	102.585.980.650
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	19.500.000.000	19.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		19.500.000.000	19.500.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414	19	80.135.026.543	69.135.026.543
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	8.000.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19a	5.340.598.242	5.950.954.107
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	3.893.851.278
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.340.598.242	2.057.102.829
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		231.688.638.024	227.795.112.326

Người lập biểu



Phạm Thị Thúy Nga

Kế toán trưởng



Nguyễn Lệ Hằng

Hà Nam, ngày 25 tháng 02 năm 2020
Tổng Giám đốc



Đặng Thái Hưng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2019

Mẫu số B02 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	285.129.897.284	271.382.703.354
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	-	1.746.052.241
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	21	285.129.897.284	269.636.651.113
4. Giá vốn hàng bán	11	22	259.632.402.145	248.145.498.280
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		25.497.495.139	21.491.152.833
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	2.270.176.360	4.091.554.166
7. Chi phí tài chính	22	24	4.042.006.465	6.564.036.683
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.809.919.285	4.126.183.077
8. Chi phí bán hàng	25	25.1	7.777.279.960	7.717.709.133
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25.2	8.944.794.938	8.276.877.774
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		7.003.590.136	3.024.083.409
11. Thu nhập khác	31	26	60.143.575	134.564.260
12. Chi phí khác	32	27	311.389.060	376.917.100
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(251.245.485)	(242.352.840)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		6.752.344.651	2.781.730.569
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	1.411.746.409	724.627.740
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		5.340.598.242	2.057.102.829
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	2.739	742

Người lập biểu



Phạm Thị Thúy Nga

Kế toán trưởng



Nguyễn Lệ Hằng

Hà Nam, ngày 25 tháng 02 năm 2020

Tổng Giám đốc



Đặng Thái Hưng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2019

Mẫu số B03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.752.344.651	2.781.730.569
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	12,14	11.091.189.361	11.134.764.844
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		26.097.341	1.448.739.988
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.848.658.563)	(3.803.190.968)
- Chi phí lãi vay	06	24	3.809.919.285	4.126.183.077
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		19.830.892.075	15.688.227.510
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.829.035.174	(4.789.390.580)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.747.277.661)	(15.049.887.001)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		7.254.299.082	(10.155.217.642)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		686.910.085	553.438.309
- Tiền lãi vay đã trả	14	24	(3.809.919.285)	(4.126.183.077)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	15	(883.808.033)	(1.197.975.864)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.214.823.247)	(2.201.505.862)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		20.945.308.190	(21.278.494.207)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(10.970.574.277)	(6.903.567.178)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	145.156.085
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(14.038.000.000)	(24.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		18.000.000.000	45.400.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.854.704.590	3.283.398.970
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.153.869.687)	17.924.987.877
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		91.170.802.011	108.082.191.460
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(95.858.491.272)	(104.635.800.847)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.351.250.000)	(4.863.750.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.038.939.261)	(1.417.359.387)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		8.752.499.242	(4.770.865.717)
(50=20+30+40)				
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		5.726.341.651	10.504.222.209
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.568.619)	(7.014.841)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		14.477.272.274	5.726.341.651
(70=50+60+61)				

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2019.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nam, ngày 25 tháng 02 năm 2020
Tổng Giám đốc





Phạm Thị Thúy Nga

Nguyễn Lê Hằng

Đặng Thái Hưng